

## Căn bản về công nghệ thông tin

**Câu 1:** Đối với mỗi câu liên quan đến các chức năng cơ bản của trình duyệt web, hãy chọn đúng hoặc sai cho mỗi phát biểu dưới đây:

| Chức năng                                                                                      | Yes | No |
|------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|----|
| 1. Trình duyệt web là Internet.                                                                |     |    |
| 2. Trình duyệt web là công cụ tìm kiếm (search engines).                                       |     |    |
| 3. Trình duyệt web là các ứng dụng phần mềm lấy và trình bày thông tin từ World Wide Web.      |     |    |
| 4. Trình duyệt web sử dụng URL để kết nối với các tài nguyên như trang web, hình ảnh và video. |     |    |

**Câu 2:** Ghép nối thuật ngữ với định nghĩa của nó cho phù hợp.

| Thuật ngữ                           | Định nghĩa                                                                   |
|-------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|
| A. Domain Name Service (DNS)        | 1. Một ngôn ngữ đánh dấu được sử dụng để tạo các trang web.                  |
| B. Cookie                           | 2. Một công ty kết nối người dùng với Internet.                              |
| C. HyperText Markup Language (HTML) | 3. Một tập tin văn bản theo dõi hoạt động của người dùng trên một trang web. |
| D. Breadcrumb                       | 4. Cho phép người dùng truy xuất lại các bước của họ trên một trang web.     |
| E. Internet Service Provider (ISP)  | 5. Một thư mục phân cấp ánh xạ vị trí của các tài nguyên trên Internet.      |

**Câu 3:** Hãy chọn Đúng hoặc Sai cho mỗi phát biểu sau:

|                                                                                                                                | Yes | No |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|----|
| 1. Hộp Tìm kiếm ở góc trên bên phải của Windows Explorer (PC) hoặc Finder (MacOS) có thể tìm thấy nội dung bên trong tập tin.  |     |    |
| 2. Internet Explorer (PC) hoặc Safari (MacOS) có thể tìm kiếm nội dung trong tập tin chưa được mở trên ổ cứng của bạn.         |     |    |
| 3. Bất kỳ người dùng nào trên Internet đều có thể định vị thông tin nội dung trong tập tin được lưu trữ trên máy tính của bạn. |     |    |

**Câu 4:** Đối với mỗi phát biểu liên quan đến thiết bị nhập, Hãy chọn Đúng hoặc Sai với mỗi phát biểu sau:

|                                  | Yes | No |
|----------------------------------|-----|----|
| A. Chuột là thiết bị nhập        |     |    |
| B. Màn hình là một thiết bị nhập |     |    |
| C. Loa là một thiết bị nhập      |     |    |
| D. Bàn phím là một thiết bị nhập |     |    |
| E. Micro là một thiết bị nhập    |     |    |

**Câu 5:** Đối với mỗi phát biểu liên quan đến thiết bị xuất, Hãy chọn Đúng hoặc Sai với mỗi phát biểu sau:

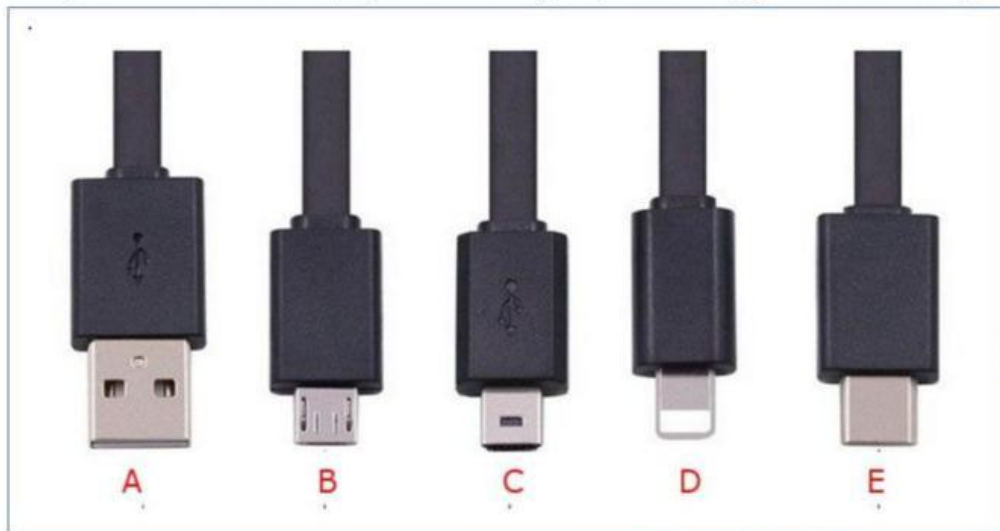
|                                    | Yes | No |
|------------------------------------|-----|----|
| A. Headphone là một thiết bị xuất. |     |    |
| B. Bàn phím là một thiết bị xuất.  |     |    |
| C. Máy in là một thiết bị xuất.    |     |    |
| D. Máy quét là một thiết bị xuất.  |     |    |
| E. Headset là một thiết bị xuất.   |     |    |

**Câu 6:** Quan sát hình ảnh sau để xác định các loại cổng kết nối. Ghép tên với loại cổng kết nối của nó:



|   |                 |
|---|-----------------|
| A | 1. Audio Only   |
| B | 2. HDMI         |
| C | 3. Ethernet     |
| D | 4. USB          |
| E | 5. Display Only |

**Câu 7:** Quan sát hình ảnh. Chọn phát biểu Đúng hoặc Sai trong phát biểu dưới đây:



|                                                                                                                   | Yes | No |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|----|
| 1. Hình ảnh A là một USB-C thường được sử dụng trên các thiết bị mới hơn.                                         |     |    |
| 2. Hình ảnh B là một Micro USB thường được sử dụng trên điện thoại, tai nghe, thiết bị Bluetooth và pin dự phòng. |     |    |
| 3. Hình ảnh C là một trình kết nối Firewire được sử dụng với iPhone.                                              |     |    |
| 4. Hình ảnh D là đầu nối Lightning được sử dụng với các sản phẩm của Apple.                                       |     |    |
| 5. Hình ảnh E là một USB-C thường được sử dụng trên các thiết bị mới hơn.                                         |     |    |



**Câu 8:** Ghép nối tên sau với định nghĩa của nó:

| Tên             | Định nghĩa                                                                                                                                                                             |
|-----------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| A. Open Source  | 1. Chứa thông tin xác thực bảo mật cho một phiên đăng nhập và xác định người dùng, các nhóm của người dùng và các đặc quyền của người dùng.                                            |
| B. Boot         | 2. Bất kỳ ai cũng có thể lấy mã nguồn và sửa đổi phần mềm miễn phí.                                                                                                                    |
| C. Driver       | 3. Quá trình khởi động một hệ điều hành. Trong quá trình này, hệ điều hành tải tất cả các trình điều khiển phần mềm cho phép các thành phần phần cứng của máy tính giao tiếp với nhau. |
| D. Daemon       | 4. Một chương trình phần mềm nhỏ cho phép hệ điều hành và thiết bị giao tiếp với nhau.                                                                                                 |
| E. Access Token | 5. Bắt đầu thời gian khởi động và chạy như một quy trình nền để hỗ trợ đa nhiệm.                                                                                                       |

**Câu 9:** Hãy chọn Đúng hoặc Sai cho các phát biểu sau.

|                                                                                                           | Yes | No |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|----|
| 1. Một hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu truy cập thông tin trên Internet.                                   |     |    |
| 2. Phần mềm trình chiếu hiển thị văn bản, hình ảnh và đa phương tiện dưới dạng trình chiếu.               |     |    |
| 3. Mục đích của trình duyệt web là lưu trữ, sắp xếp và thao tác các tập dữ liệu liên quan.                |     |    |
| 4. Phần mềm bảng tính phân tích và thực hiện các phép tính, đồng thời hiển thị dữ liệu dưới dạng biểu đồ. |     |    |
| 5. Một chương trình xử lý văn bản xuất ra văn bản ở định dạng tài liệu.                                   |     |    |

**Câu 10:** Hãy ghép từng khái niệm về ứng dụng phần mềm với định nghĩa của nó.

|                          |                                                                                 |
|--------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|
| A. Desktop Application   | 1. Được thiết kế để thực hiện nhiều chức năng khác nhau.                        |
| B. App                   | 2. Được thiết kế cho một mục đích duy nhất và thực hiện một chức năng duy nhất. |
| C. Application           | 3. Chạy từ đám mây.                                                             |
| D. Web-based Application | 4. Phải được cài đặt trên máy tính trước khi nó có thể chạy.                    |